

Đánh giá khả năng rơi vào bẫy thu nhập trung bình của Việt Nam

LÊ PHƯƠNG THẢO QUỲNH*

Tóm tắt

Năm 2009, Việt Nam đạt mức thu nhập trung bình theo xếp hạng của Ngân hàng Thế giới (World Bank). Từ đó đến nay, nền kinh tế Việt Nam ghi thêm nhiều thành tựu mới, nhưng cũng đồng thời bộc lộ nhiều điểm hạn chế khiến nhiều học giả đặt câu hỏi về khả năng rơi vào bẫy thu nhập trung bình (BTNTB) của Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu liên quan tới BTNTB tại Việt Nam mới chủ yếu là các nghiên cứu định tính. Trong bài viết này, tác giả đưa ra một cách nhìn khác, đánh giá khả năng rơi vào BTNTB của Việt Nam theo phương pháp định lượng của Robertson và Ye (2013). Kết quả nghiên cứu chỉ ra, Việt Nam nhiều khả năng không rơi vào BTNTB.

Từ khóa: tăng trưởng, bẫy thu nhập trung bình, phương pháp định lượng

Summary

Vietnam attained middle-income status in 2009 according to the World Bank's rating. Since then, national economy has gained many new achievements, but at the same time revealed limitations that make many scholars question the possibility of falling into the middle income trap of the country. However, studies on middle income trap in Vietnam are mainly qualitative approaches. In this article, the author provides a different perspective that assesses Vietnam's possibility of falling into middle income trap by quantitative method developed by Robertson and Ye (2013). Result indicates that Vietnam most likely does not fall into the middle income trap.

Keywords: growth, middle income trap, quantitative method

LỜI MỞ ĐẦU

Khái niệm bẫy thu nhập trung bình (middle-income trap - BTNTB) xuất hiện lần đầu tiên trong Báo cáo của Gill và Kharas công bố năm 2007 bởi World Bank. Theo Gill và Kharas (2007), BTNTB là tình trạng các quốc gia đã đạt được mức thu nhập trung bình (TNTB), nhưng sau đó mắc kẹt tại mức thu nhập ấy và không thể đạt được mức thu nhập cao do không thể duy trì đà tăng trưởng như trước. Kể từ sau nghiên cứu của Gill và Kharas (2007), khái niệm BTNTB đã trở thành đề tài nóng, thường xuyên được nghiên cứu, phân tích bởi các tổ chức quốc tế, như: World Bank, IMF, ADB, OECD... Các nghiên cứu nhận được sự quan tâm lớn của các nhà làm chính sách trên thế giới.

Theo tính toán của World Bank dựa trên chỉ số tổng thu nhập quốc dân/người (GNI/người), kinh tế Việt Nam đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp từ năm 2009, với mức thu nhập bình quân đầu người là 1.120 USD (Beliner, Do và McCarty, 2013). Kinh tế Việt Nam những năm gần đây đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng cao (giai đoạn

năm 2015-2019, tăng trưởng GDP Việt Nam trung bình 6,76%, riêng năm 2020 mặc dù dưới ảnh hưởng của Covid, Việt Nam vẫn tăng trưởng ở mức 2,91%); lạm phát trong 3 năm gần đây ổn định quanh mức 3%-4%, dự trữ ngoại hối, cán cân thương mại và cán cân thanh toán có nhiều cải thiện. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam cũng bộc lộ nhiều tồn tại, như: đầu tư kém hiệu quả (ICOR cao), chất lượng lao động thấp, nền kinh tế thâm dụng tài nguyên, thị trường tài chính chưa phát triển, nguy cơ bong bóng bất động sản, ô nhiễm môi trường, tham nhũng... ngày một lớn. Thực tế này làm dấy lên lo ngại rằng, Việt Nam sẽ khó duy trì được đà tăng trưởng và vướng vào BTNTB.

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ BTNTB TẠI VIỆT NAM

Theo Ohno (2009), tăng trưởng mà Việt Nam có được trong một thập kỷ

* Trường Đại học Ngoại thương

Ngày nhận bài: 18/02/2021; Ngày phản biện: 22/03/2021; Ngày duyệt đăng: 25/03/2021

rủi trước đó là do tác động của tự do hoá đúng thời điểm và sức mua từ các nước khác đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh. Việt Nam đã đạt đến mức phát triển mà tại đó tăng trưởng hướng tới mức thu nhập cao hơn sẽ không thể đảm bảo nếu không đổi mới quá trình hoạch định chính sách, nhằm phát huy tiềm năng đầy đủ của đất nước. Hiện nay, với quá trình chuyển đổi có hệ thống và hội nhập toàn cầu một cách sâu sắc, Việt Nam cần xây dựng giá trị nội tại để tiếp tục tăng trưởng và thoát BTNTB, đặc biệt nhấn mạnh nâng cao năng lực của tầng lớp lãnh đạo, xây dựng quan hệ chiến lược với các đối tác nước ngoài.

Trong nghiên cứu của Tran Van Tho (2013), tác giả đưa ra một khung phân tích bao gồm các thuật ngữ, như: giai đoạn phát triển, điểm chuyển hoá trên thị trường lao động, tăng trưởng dựa trên đầu vào, tăng trưởng dựa trên năng suất các nhân tố tổng hợp, lợi thế so sánh động và yếu tố thể chế. Sau đó, tác giả nghiên cứu giai đoạn phát triển hiện nay của các nước ASEAN, có so sánh với các nước Đông Á khác. Tác giả đánh giá khả năng vượt BTNTB của các nước ASEAN bằng cách thử so sánh tình trạng hiện nay của các nước đó với kinh nghiệm của Hàn Quốc, một nước đã thành công trong quá trình thoát khỏi BTNTB và phát triển thành nước tiên tiến. Phần cuối của nghiên cứu tập trung bàn về khả năng rơi vào BTNTB của Việt Nam. Nghiên cứu kết luận, nếu không cải cách triệt để, Việt Nam có thể rơi vào trường hợp mà tác giả gọi là sự xuất hiện sớm của BTNTB. Cuối cùng, tác giả đưa ra các chính sách mà các nước ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng cần quan tâm để tránh được BTNTB.

Nghiên cứu William. T. Wilson (2014) về BTNTB tại khu vực Đông Á, tập trung vào bốn quốc gia là Thái Lan, Indonesia, Phillipines và Việt Nam, thông qua phân tích các nhân tố chính quyết định đến BTNTB: nền tảng vĩ mô, cơ cấu dân số, đô thị hoá, thể chế, cơ cấu thương mại, cơ sở hạ tầng, chiến tranh và xung đột. Tác giả chỉ ra rằng, Việt Nam là nước có nhiều khả năng rơi vào BTNTB.

Nguyễn Minh Phong (2014) cũng nghiên cứu về các khái niệm BTNTB trên thế giới, thách thức BTNTB và ứng phó cần có của Việt Nam. Tác giả chỉ ra, Việt Nam có thể đối diện với BTNTB do tốc độ tăng trưởng có nguy cơ chậm lại, các nhân tố tăng trưởng theo bề rộng

không còn hiệu quả như trước, thiếu các động lực tăng trưởng theo chiều sâu. Muốn thoát BTNTB, Việt Nam cần triển khai các giải pháp đồng bộ, như: tập trung nâng cao tiến bộ kỹ thuật, tăng năng suất lao động theo chuỗi ngành; có biện pháp khai thác tốt nguồn vốn FDI, kiều hối; đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền và nâng cao vai trò dân chủ; thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương.

Chu Văn Cấp và Nguyễn Đức Hải (2015) khi nghiên cứu về mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những năm qua và chỉ ra mặt hạn chế của mô hình tăng trưởng này, bao gồm: chất lượng tăng trưởng thấp, cơ cấu kinh tế lạc hậu, tăng trưởng kinh tế chưa gắn với yêu cầu phát triển bền vững. Các tác giả khẳng định, Việt Nam có nhiều nguy cơ rơi vào BTNTB. Do đó, để thoát BTNTB, Việt Nam cần thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp hài hoà mô hình tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu, phát triển mô hình tăng trưởng thân thiện với môi trường.

Trong Hội thảo quốc tế Việt Nam học năm 2016, nghiên cứu của Phan Thế Công và Phạm Thị Minh Uyên (2016) chứng minh giả thuyết nghiên cứu Việt Nam sập BTNTB, đồng thời gợi ý một số kiến nghị về chính sách. Các chính sách điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng năng suất lao động, trình độ khoa học và công nghệ; tăng cường ảnh hưởng của các nhân tố năng suất tổng hợp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; hướng hoạt động của nền kinh tế theo các ngành, các lĩnh vực có giá trị gia tăng...

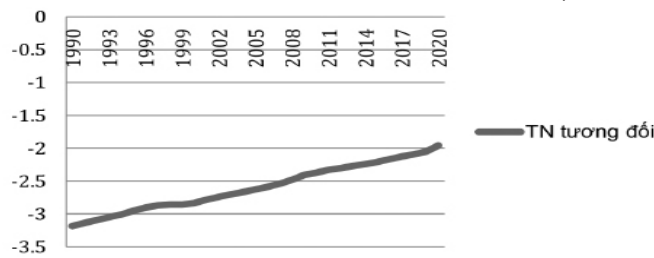
Võ Trí Hảo (2016) chỉ ra những bất cập trong mô hình tăng trưởng của Việt Nam, đó là vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế còn quá lớn. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chưa được tạo điều kiện để phát triển. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang được nhận nhiều ưu đãi, trong khi đó, đóng góp của những doanh nghiệp này vào tăng trưởng chưa cao. Chưa hết, khối doanh nghiệp FDI cũng gây ra nhiều ảnh hưởng lên môi trường, điều này không tốt cho tăng trưởng trong dài hạn. Các nhà nghiên cứu khác cũng chỉ ra hiện nay mô hình tăng trưởng của Việt Nam vẫn theo chiều rộng, dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, phụ thuộc quá nhiều vào FDI, thâm dụng lao động, hiệu quả lao động và đầu tư thấp.

Trần Thị Hà (2018) dựa trên kinh nghiệm vượt BTNTB của nhiều quốc gia châu Á, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan và Malaysia đã đưa ra các giải pháp giúp Việt Nam vượt BTNTB. Cụ thể là nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo kỹ năng cho người lao động; chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu; hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tích cực tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Tóm lại, vấn đề BTNTB đang được quan tâm và nghiên cứu bởi nhiều học giả tại Việt Nam, chủ yếu các nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính, mô tả. Điểm chung của các nghiên cứu là đều chỉ ra Việt Nam có nguy cơ mắc BTNTB, do đó, cần giải pháp toàn diện để giúp Việt Nam vượt BTNTB thành

BẢNG 1: THU NHẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA VIỆT NAM SO VỚI MỸ

Đơn vị tính: lần



BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ADF

Null Hypothesis: RELATIVE_INCOME has a unit root				
Exogenous: Constant				
Lag Length: 1 (Automatic - based on SIC, maxlag=7)				
Augmented Dickey-Fuller test statistic			t-Statistic	Prob.*
Test critical values:	1% level	-3.689194	0.032342	0.9540
	5% level	-2.971853		
	10% level	-2.625121		
*Mackinnon (1996) one-sided p-values.				
Augmented Dickey-Fuller Test Equation				
Dependent Variable: D(RELATIVE_INCOME)				
Method: Least Squares				
Date: 01/24/21 Time: 22:24				
Sample (adjusted): 1992 2019				
Included observations: 28 after adjustments				
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
RELATIVE_INCOME(-1)	0.000251	0.007773	0.032342	0.9745
D(RELATIVE_INCOME(-1))	0.486467	0.171842	2.830902	0.0090
C	0.020347	0.021335	0.953706	0.3494
R-squared	0.242815	Mean dependent var	0.038670	
Adjusted R-squared	0.182240	S.D. dependent var	0.014293	
S.E. of regression	0.012925	Akaike info criterion	-5.758368	
Sum squared resid	0.004176	Schwarz criterion	-5.615632	
Log likelihood	83.61715	Hannan-Quinn criter.	-5.714732	
F-statistic	4.008515	Durbin-Watson stat	1.786251	
Prob(F-statistic)	0.030905			

Nguồn: Tính toán của tác giả

công. Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh tới vai trò của việc thay đổi mô hình tăng trưởng thông qua nâng cao năng suất lao động, phát triển công nghệ, mở cửa và hội nhập nền kinh tế. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào kiểm chứng xem Việt Nam đã mắc BTNTB hay chưa, dựa theo các phương pháp định lượng.

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG RƠI VÀO BTNTB CỦA VIỆT NAM

Robertson và Ye (2013) phát triển một mô hình để xác định xem một quốc gia có rơi vào BTNTB hay không. Hai tác giả lập luận rằng, sự hội tụ của tốc độ tăng trưởng trong một dải thu nhập trung bình là điều kiện cần thiết để xác định BTNTB (sử dụng số liệu PWT 7.1).

Điều kiện cần để một quốc gia i rơi vào BTNTB đó là thu nhập tương đối của quốc gia i so với quốc gia tham chiếu phải: (1) bất biến theo thời gian; và (2) thu nhập đó nằm trong mức TNTB. Lấy $y_{i,t}$ là logarit tự nhiên của thu nhập bình quân đầu người (TNBQĐN) quốc gia i trong năm t và $y_{r,t}$ là logarit tự nhiên của TNBQĐN quốc gia tham chiếu trong năm t . Lưu ý rằng, nếu $y_{r,t}$ và $y_{i,t}$ chứa một xu hướng xác định chung, thì $x_{i,t} \equiv y_{i,t} - y_{r,t}$ là dữ liệu chuỗi thời gian có tính dừng; $x_{i,t}$ là thu nhập tương đối của quốc gia i so với quốc gia tham chiếu. Các tác giả lựa chọn Mỹ là quốc gia tham chiếu, vì trong hơn 100 năm qua, TNBQĐN của Mỹ luôn tăng trưởng ổn định quanh mức 1,8%/năm. Do vậy, có thể coi Mỹ đã đạt tới mức tiến bộ công nghệ và tăng trưởng ổn

định. Một quốc gia được coi có thu nhập trung bình khi quốc gia đó có thu nhập từ 8% tới 36% thu nhập của Mỹ.

Đồng thời, các tác giả cũng tính trung bình tốc độ tăng trưởng của thu nhập tương đối $(x_{i,t} - x_{i,t-1})/x_{i,t-1}$. Nếu mức tăng trưởng trung bình của thu nhập tương đối nước i khác 0 càng nhiều thì chứng tỏ nước i càng đuổi kịp nước Mỹ nhanh so với quốc gia khác trong cùng giai đoạn. Ngược lại, nếu tăng trưởng thu nhập tương đối của nước i so với Mỹ trung bình xấp xỉ 0, thì quốc gia đó rơi vào BTNTB.

Bài báo sử dụng số liệu của World Bank, dùng bình quân đầu người, PPP (constant 2017 international \$). Việc lựa chọn GDP theo PPP, constant 2017 là để loại trừ bớt ảnh hưởng của lạm phát khi so sánh thu nhập trung bình giữa Việt Nam và Mỹ. Tác giả tính được GDP bình quân đầu người Việt Nam/Mỹ đạt 4,14% năm 1990 và tăng lên thành 12,86% năm 2019. Như vậy, nếu chiếu theo tiêu chí của Robertson và Ye (2013) thì Việt Nam đang ở mức thu nhập trung bình (tỷ lệ tham chiếu từ 8% tới 36%). Tác giả tiếp tục sử dụng phương pháp của Robertson và Ye (2013) để xem xét khả năng thu nhập Việt Nam đuổi kịp Mỹ thông qua việc nghiên cứu chuỗi dữ liệu thời gian về thu nhập tương đối của Việt Nam so với Mỹ.

Tác giả thực hiện trừ log của GDP bình quân đầu người tại Việt Nam cho log GDP bình quân đầu người của Mỹ. Kết quả thu được một chuỗi dữ liệu về thu nhập tương đối của Việt Nam so với Mỹ theo năm:

$$X_t = \ln GDP_{pcVN,t} - \ln GDP_{pcUSA,t} (1)$$

Tính tốc độ tăng trưởng của thu nhập tương đối theo thời gian, tăng trưởng của thu nhập tương đối trong năm t được tính bằng: $X_t = (X_t - X_{t-1})/X_{t-1}$ (Kết quả được nêu trong phụ lục).

Sau đó tính trung bình tốc độ tăng trưởng của X_t trong giai đoạn 1990 - 2019, được con số 1,6% (khác 0). Theo phương pháp này, thu nhập bình quân của Việt Nam trong tương lai có khả năng đuổi kịp được Mỹ.

Xu hướng tăng của đồ thị ở Bảng 1 phản ánh khoảng cách thu nhập giữa Mỹ và Việt Nam được thu hẹp. Từ đồ thị, ta dễ dàng nhìn thấy chuỗi thu nhập tương đối của Việt Nam so với Mỹ có xu hướng đi lên. Điều này trái với giả thuyết giá trị trung bình của chuỗi là không đổi. Như vậy, qua đồ thị có thể dự đoán dữ liệu để khảo sát là chuỗi không dừng.

Tiếp tục, sử dụng phần mềm Eview 8, xem xét tính dừng của chuỗi thu nhập tương đối Xt bằng phương pháp kiểm tra Augmented Dickey-Fuller (ADF) và Philips Perron (PP).

Kết quả cho thấy, trị tuyệt đối của ADF lớn hơn trị tuyệt đối của t-statistic, do đó chuỗi thu nhập tương đối (Xt - Relative Income) là không dừng ở level 0 (Bảng 2).

Kiểm tra tính dừng của chuỗi bằng phương pháp Phillips Perron cũng cho kết quả chuỗi thu nhập tương đối không dừng ở level 0 (Bảng 3).

Như vậy, dù kiểm tra theo đồ thị hay theo phương pháp ADF và PP thì đều cho kết quả là chuỗi thu nhập tương đối Xt là chuỗi không dừng.

Thay bằng số liệu PWT 9.1, GDPpc Việt Nam/Mỹ từ mức 3,5% năm 1990 tăng lên đạt 13,5% năm 2020. Trung bình thu nhập tương đối tăng trưởng 1,51%, thu nhập tương đối cũng không dừng ở level 0 mà dừng ở level 2.

KẾT LUẬN

Khả năng rơi vào BTNTB của Việt Nam thông qua phương pháp của Robertson và Ye (2013) trở nên rõ ràng hơn bằng cách nghiên cứu chuỗi dữ liệu thu nhập tương đối của Việt Nam so với Mỹ theo thời gian. Kết quả cho thấy, thu

BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH PHILIPS PERRON

Null Hypothesis: RELATIVE_INCOME has a unit root		
Exogenous: Constant		
Bandwidth: 1 (Newey-West automatic) using Bartlett kernel		
	Adj. t-Stat	Prob.*
Phillips-Perron test statistic	-0.308874	0.9119
Test critical values:		
1% level	-3.679322	
5% level	-2.967767	
10% level	-2.622989	
*MacKinnon (1996) one-sided p-values.		
Residual variance (no correction)		0.000195
HAC corrected variance (Bartlett kernel)		0.000290

Nguồn: Tính toán của tác giả

nhập tương đối của Việt Nam so với Mỹ có tốc độ tăng trưởng trung bình 1,6% và 1,51% (theo số liệu World Bank và PWT 9.1). Với cả hai nguồn số liệu này, chuỗi thu nhập tương đối đều là chuỗi không dừng. Như vậy, nếu duy trì tốc độ tăng trưởng như hiện nay thì Việt Nam không rơi vào BTNTB và có khả năng đuổi kịp Mỹ trong tương lai.

Trong khi đó, các nghiên cứu trước đây dựa vào phân tích các yếu tố nội tại của kinh tế Việt Nam chỉ ra rằng, Việt Nam có nhiều nguy cơ rơi vào BTNTB. Bài viết này có điểm khác biệt ở việc sử dụng được phương pháp định lượng với các kiểm định để đưa ra kết luận, Việt Nam có nhiều khả năng không rơi vào BTNTB khi so sánh và lấy thu nhập tương đối của nước Mỹ làm tiêu chuẩn. Tuy nhiên, bài báo mới chỉ sử dụng cách tiếp cận theo Robertson và Ye (2013). Đây sẽ là tiền đề để tác giả tiếp tục phân tích khả năng rơi vào BTNTB của Việt Nam theo nhiều hướng tiếp cận khác, từ đó đưa ra kết quả nghiên cứu toàn diện hơn trong tương lai. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Thế Công và Phạm Thị Minh Uyên (2016). *Điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam để tránh bẫy thu nhập trung bình*, Hội thảo quốc tế Việt Nam học 2016
- Nguyễn Minh Phong (2014). Bẫy thu nhập trung bình và ứng phó của Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 2-2014
- Chu Văn Cấp và Nguyễn Đức Hải (2015). *Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình: Nhìn dưới góc độ mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, truy cập từ <https://www.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2015-09-10-24/3.pdf>
- Trần Thị Hà (2018). *Vượt bẫy thu nhập trung bình: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam*, truy cập từ https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/r/m/ncvtd/ncvtd_chitiet?dDocName=UCMTMP121700&_afrLoop=2959482797390243#%40%3F_afrLoop%3D2959482797390243%26dDocName%3DUCMTMP121700%26_adf.ctrl-state%3Drv617eisq_4
- Võ Trí Hảo (2016). *Hội thảo “Bẫy thu nhập trung bình: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”*, truy cập từ <http://qlkh.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=5a4bf4b0-568f-4f13-a096-18407c1ad9d6>
- Ohno, K. (2009). Avoiding the Middle Income Trap: Renovating Industrial Policy Formulation in Vietnam, *ASEAN Economic Bulletin*, 26(1), 25-43
- Robertson, Peter E. and Longfeng Ye (2013). *On the Existence of A Middle Income Trap*, Economics Discussion Papers 13.12, University of Western Australia, Perth, School of Economic and Social Studies, 22, 139-191
- Tran Van Tho (2013). *The Middle-Income Trap: Issues for Members of the Association of Southeast Asian Nations*, ADBI Working Paper 421, Tokyo: Asian Development Bank Institute
- William.T.Wilson (2014). *Beating the middle income trap in South East Asia*, The Heritage Foundation, access to <http://www.heritage.org/research/reports/2014/08/beating-the-middle-income-trap-in-southeast-asia>